

Bản án số: 42/2017/ST-HNGĐ

Ngày 14/9/2017

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Hùng Dũng

2. Ông Trần Minh Tân

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn;

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp K, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

2/ Bị đơn: Anh Trần Quan Q, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp K, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2017, các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Lê Thị T trình bày:

Chị xây dựng hôn nhân với anh Trần Quan Q vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức lễ cưới theo truyền thống. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Trần Lê Chí Q1, sinh ngày 11/9/2005 và Trần Tổ M, sinh ngày 15/7/2016, hiện hai cháu đang chung sống với chị. Vợ chồng chị có cùng nhau đóng góp tạo lập được một số tài sản như căn nhà trị giá khoảng 100 triệu, 01 võ lãi, 01 xe mô tô, 03 công đất trồng lúa Vợ chồng không có nợ ai.

Từ năm 2014 thì anh Q thường không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu bia, cờ bạc, thậm chí còn đánh đập chị và có lần đốt hết quần áo chị nên chị không thể chung sống với nhau được nữa, thực tế đã ly thân khoảng 3-4 tháng nay.

Về con chung: Chị yêu cầu nuôi 02 con là chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn - anh Trần Quan Q trình bày tại bản tự khai: anh Q thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T, đồng ý cho chị T nuôi con, tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Xét thấy: Về tố tụng, anh Q vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trần Quan Q xây dựng hôn nhân từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức hôn lễ theo truyền thống. Chị T cho rằng tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con là Trần Lê Chí Q1, sinh ngày 11/9/2005 và Trần Tố M, sinh ngày 15/7/2016, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nợ chung, tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời yêu cầu áp dụng: Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình: Không công nhận chị Lê Thị T và anh Trần Quan Q là vợ chồng. Chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1/ Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T thấy rằng: chị T và anh Q xây dựng hôn nhân từ năm 2004, có tổ chức hôn lễ theo truyền thống nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị T và anh Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 là có thật. Tuy nhiên, từ khi chung sống đến nay, chị T và anh Q không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận nên không công nhận chị T và anh Q là vợ chồng.

2/ Về con chung: Chị T có yêu cầu nuôi hai con là cháu Trần Lê Chí Q1, sinh ngày 11/9/2005 và Trần Tố M, sinh ngày 15/7/2016, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: chị T yêu cầu nuôi cháu Q1 là phù hợp với nguyện vọng của

cháu Q1 và anh Q cũng thống nhất thỏa thuận giao cho chị T tiếp tục nuôi con (kể cả cháu Q1 và Trần Tổ M). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con, anh Q có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Q xác định không có nợ chung, tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

4/ Án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị T và anh Trần Quan Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu hai cháu Trần Lê Chí Q1, sinh ngày 11/9/2005 và Trần Tổ M, sinh ngày 15/7/2016 cho chị Lê Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Trần Quan Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị T đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003609 ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hòa Bình
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

LỮ VĂN TUẤN